

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Duy Tuần;

2. Bà Phạm Thị Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Kh, xã Q, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Tr, xã Q, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị L trình bày:* Chị và anh Lê Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H (nay là xã Q), huyện Gi, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/10/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, do hai người không có con nên anh M chán nản, chơi bời, không quan tâm gì tới gia đình; chị và hai bên gia đình đã nhiều lần góp ý nhưng anh M không thay đổi. Do mâu thuẫn, nên từ tháng 11 năm 2018 đến nay chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở, hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

*Về quan hệ con chung:* Chị và anh M không có con chung.

*Về quan hệ tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn - anh Lê Văn M:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh M đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

*Tại lời khai, ông Lê Thanh D là bố đẻ của anh M trình bày:* Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung giữa chị L và anh M đúng như chị L trình bày; ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh M vì chị L và anh M không thể đoàn tụ, chung sống hạnh phúc với nhau được nữa.

Ông xác định anh M đã biết việc chị L khởi kiện xin ly hôn, các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh M, gia đình ông đã thông báo đầy đủ cho anh M biết; anh M có quan điểm là: do công việc anh không về Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

*Chính quyền địa phương xã Q cung cấp:* Về việc kết hôn, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh M đúng như chị L trình bày. Địa phương xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh M đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa: Chị L, anh M vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị L đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đàm Thị L ly hôn anh Lê Văn M; chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh M đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị L đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Chị Đàm Thị L và anh Lê Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H (nay là xã Q), huyện Ninh Giang nơi sinh sống của anh M tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị L và anh M là hợp pháp.

[3] Do mâu thuẫn, nên từ năm 2018 đến nay chị L đã về ở cùng bố mẹ đẻ, hai người sống ly thân, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ năm 2018 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L ly hôn anh M.

[4] Về con chung, anh chị không có; về tài sản chung, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, chị Đàm Thị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đàm Thị L ly hôn anh Lê Văn M.

2. *Về án phí*: Chị Đàm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009325, ngày 12 tháng 10 năm 2020.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Đàm Thị L, anh Lê Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Q, H.Gi;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Quốc Quân**